UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4183 /QĐ-SYT

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung chi dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 06/8/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Về việc ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-SYT ngày 26/01/2015 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2015

Trên cơ sở Công văn số 3302/STC-HCSN ngày 31/12/2015 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh nội dung chi dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015 đối với Sở Y tế Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung chi dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015 cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế *(theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Căn cứ điều chỉnh nội dung chi dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các phòng, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra thuộc Sở Y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: KHTC,VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nguyễn Tấn Hùng

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2015

ĐƠN VỊ : SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI Mã số : 1082313

(Kèm theo Quyết định số 4183 /QĐ - SYT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Sở Y tế)

Đơn vị tính : 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
A	B	1	2	3 = (1-2)	4	5	6 = (1 + 4 -5)
	TỔNG DỰ TOÁN	**4.644.280**	**4.307.696**	**336.584**	**336.584**	**336.584**	**4.644.280**
A	**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN**	**3.842.280**	**3.613.882**	**228.398**	**228.398**	**228.398**	**3.842.280**
1	**Bệnh viện ĐK huyện Tư Nghĩa**	**309.120**	**309.120**	**-**	**9.660**	**-**	**318.780**
	Mã số: 1028688						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2116 - Kho Bạc huyện Tư Nghĩa						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**309.120**	**309.120**	**-**	**9.660**	**-**	**318.780**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	309.120	309.120	-	9.660	-	318.780
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	309.120	309.120	-	9.660		318.780
2	**Trung tâm Giám định Y khoa**	**66.240**	**66.240**	**-**	**11.270**	**-**	**77.510**
	Mã số: 1081576						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2111 - KBNN tỉnh Quảng Ngãi						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
I	**Chương 423 loại 520 khoản 526**	**66.240**	**66.240**	**-**	**11.270**	**-**	**77.510**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	66.240	66.240	-	11.270	-	77.510
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	66.240	66.240	-	11.270		77.510
3	**Trung tâm Mắt**	**66.240**	**49.680**	**16.560**	**-**	**16.560**	**49.680**
	Mã số: 1081576						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2111 - KBNN tỉnh Quảng Ngãi						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 526**	**66.240**	**49.680**	**16.560**	**-**	**16.560**	**49.680**
	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	66.240	49.680	16.560	-	16.560	49.680
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	66.240	49.680	16.560		16.560	49.680
4	**Bệnh viện Y học Cổ truyền**	**165.600**	**165.600**	**-**	**4.140**	**-**	**169.740**
	Mã số: 1120400						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2111 - KBNN tỉnh Quảng Ngãi						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**165.600**	**165.600**	**-**	**4.140**	**-**	**169.740**
	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	165.600	165.600	-	4.140	-	169.740
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	165.600	165.600	-	4.140		169.740
5	**Bệnh viện ĐK huyện Sơn Tịnh**	**405.720**	**405.720**	**-**	**22.540**	**-**	**428.260**
	Mã số: 1028475						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2114 - Kho Bạc huyện Sơn Tịnh						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**405.720**	**405.720**	**-**	**22.540**	**-**	**428.260**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	405.720	405.720	-	22.540	-	428.260
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	405.720	405.720	-	22.540		428.260
6	**Bệnh viện ĐK huyện Nghĩa Hành**	**193.200**	**193.200**	**-**	**9.660**	**-**	**202.860**
	Mã số: 1028690						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2117 - Kho Bạc huyện Nghĩa Hành						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**193.200**	**193.200**	**-**	**9.660**	**-**	**202.860**
	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	193.200	193.200	-	9.660	-	202.860
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	193.200	193.200	-	9.660		202.860

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
7	**Bệnh viện ĐK huyện Bình Sơn**	**328.440**	**280.140**	**48.300**	-	**48.300**	**280.140**
	Mã số: 1029084						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2112 - Kho Bạc huyện Bình Sơn						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
	Chương 423 loại 520 khoản 521	**328.440**	**280.140**	**48.300**	-	**48.300**	**280.140**
	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	328.440	280.140	48.300	-	48.300	280.140
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	328.440	280.140	48.300		48.300	280.140
8	**Trung tâm Y tế DP Thành Phố**	**96.600**	**85.330**	**11.270**	-	**11.270**	**85.330**
	Mã số: 1026189						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2111 - Kho Bạc tỉnh Quảng Ngãi						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
1	**Chương 423 loại 520 khoản 523**	**96.600**	**85.330**	**11.270**	-	**11.270**	**85.330**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
a	Kinh phí thường xuyên						-
b	Kinh phí không thường xuyên	96.600	85.330	11.270	-	11.270	85.330
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	96.600	85.330	11.270		11.270	85.330
9	**Trung tâm Y tế DP huyện Bình Sơn**	**531.900**	**531.900**	-	**100.000**	-	**631.900**
	Mã số: 1028947						-

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
	Mã KBNN Giao dịch: 2112 - Kho Bạc huyện Bình Sơn						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**531.900**	**531.900**	**-**	**100.000**	**-**	**631.900**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	531.900	531.900	-	100.000	-	631.900
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	351.900	351.900	-	23.000		374.900
	Kinh phí hoạt động chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi (Thông tư số 35/2011/TT-BYT, Thông tư số 21/2011/TT-BTC)	180.000	180.000	-	77.000		257.000
10	**Trung tâm Y tế DP huyện Nghĩa Hành**	**182.160**	**182.160**	**-**	**12.880**	**-**	**195.040**
	Mã số: 1028691						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2117 - Kho Bạc huyện Tư Nghĩa						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 523**	**182.160**	**182.160**	**-**	**12.880**	**-**	**195.040**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	182.160	182.160	-	12.880	-	195.040
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015	182.160	182.160	-	12.880		195.040

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
11	**Trung tâm Y tế huyện Minh Long**	**375.360**	**375.360**	**-**	**58.248**	**-**	**433.608**
	Mã số: 1083898						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2119 - Kho Bạc huyện Minh Long						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**375.360**	**375.360**	**-**	**58.248**	**-**	**433.608**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	375.360	375.360	-	58.248	-	433.608
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 đối với Bệnh viện	304.980	304.980	-	41.860		346.840
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 đối với Y tế xã	70.380	70.380	-	16.388		86.768
12	**Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng**	**135.000**	**58.000**	**77.000**	**-**	**77.000**	**58.000**
	Mã số: 1081435						-
	Mã KBNN Giao dịch: 2113 - Kho Bạc huyện Trà Bồng						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**135.000**	**58.000**	**77.000**	**-**	**77.000**	**58.000**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
2	Kinh phí không thường xuyên	135.000	58.000	77.000		77.000	58.000
	- Kinh phí hoạt động chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi (Thông tư số 35/2011/TT-BYT, Thông tư số 21/2011/TT-BTC)	135.000	58.000	77.000		77.000	58.000
13	**Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ**	**986.700**	**911.432**	**75.268**	**-**	**75.268**	**911.432**
	Mã số : 1081507						-
	Mã KBNN Giao dịch : 2121- KBNN huyện Ba Tơ						-
	Kinh phí sự nghiệp Y tế						-
1	**Chương 423 loại 520 khoản 521**	**986.700**	**911.432**	**75.268**	**-**	**75.268**	**911.432**
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp						-
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí không thường xuyên	**986.700**	**911.432**	**75.268**	**-**	**75.268**	**911.432**
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 đối với Bệnh viện	422.280	393.932	28.348		28348	393.932
	- Kinh phí chi trả chính sách đãi ngộ theo quyết định 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 đối với Y tế xã	564.420	517.500	46.920		46920	517.500
							-
B	**ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ NGUỒN CCTL**	**802.000**	**693.814**	**108.186**	**108.186**	**108.186**	**802.000**
1	**TRUNG TÂM DSKHHGĐ THÀNH PHỐ :**	**309.000**	**309.000**	**-**	**108.186**	**-**	**417.186**
	Mã số : 1072535						-
	Mã KBNN Giao dịch : 2111 - Kho Bạc tỉnh Quảng Ngãi						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 526**						-
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp	309.000	309.000	-	108.186	-	417.186
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	309.000	309.000	-	108.186		417.186
2	**TRUNG TÂM DSKHHGĐ HUYỆN SƠN TỊNH :**	**219.000**	**135.780**	**83.220**	**-**	**83.220**	**135.780**

TT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Dự toán thực hiện	Dự toán còn lại	Dự toán xin điều chỉnh		Dự toán sau khi điều chỉnh
					Dự toán xin điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	
	Mã số : 1072452						-
	Giao dịch : 2114 Kho Bạc huyện Sơn Tịnh						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 526**						-
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp	219.000	135.780	83.220	-	83.220	135.780
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	219.000	135.780	83.220		83.220	135.780
3	**TRUNG TÂM DSKHHGĐ HUYỆN TƯ NGHĨA :**	**274.000**	**249.034**	**24.966**	**-**	**24.966**	**249.034**
	Mã số : 1072537						-
	Giao dịch : 2116 Kho Bạc NN Tư Nghĩa						-
I	**Chương 423 loại 520 khoản 526**						-
*	Từ ngân sách Nhà nước cấp	**274.000**	**249.034**	**24.966**	-	**24.966**	**249.034**
1	Kinh phí thường xuyên						-
2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	274.000	249.034	24.966		24.966	249.034

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3302 /STC-TCHCSN	*Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 12 năm 2015*
V/v điều chỉnh nội dung chi dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015 đối với Sở Y tế	

Kính gửi: Sở Y tế Quảng Ngãi

Sở Tài chính nhận Công văn số 1466/SYT-KHTC ngày 25/12/2015 của Sở Y tế về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2015 đối với ngành y tế. Sau khi nghiên cứu nội dung đề nghị của đơn vị, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015 của ngành y tế đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao dự toán tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 và Sở Tài chính đã thẩm tra dự toán tại Công văn số 290/STC-TCHCSN ngày 21/01/2015 với tổng kinh phí là 514.066 triệu đồng.

Theo trình bày của Sở Y tế tại Công văn số 2466/SYT-KHTC ngày 25/12/2015, tại đơn vị có một số nội dung chi trong dự toán như: Kinh phí thực hiện chính sách đãi ngộ bác sỹ theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 là 13.059 triệu đồng, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 139.445 triệu đồng, kinh phí hoạt động phục vụ công tác chuyên môn là 111.549 triệu đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số nhiệm vụ chi chưa sát với dự toán đầu năm và có một số nhiệm vụ phát sinh nhưng đơn vị chưa có nguồn bố trí với tổng kinh phí là 1.005,528 triệu đồng.

1. Để tạo điều kiện cho Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính thống nhất điều chỉnh nội dung chi dự toán kinh phí thường xuyên năm 2015 đối với Sở Y tế là 969,693 triệu đồng (chi tiết từng nội dung điều chỉnh dự toán như đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 2466/SYT-KHTC ngày 25/12/2015).

2. Đối với nhiệm vụ phát sinh mua sắm thiết bị văn phòng và sửa chữa khoa lý vi sinh của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm nhưng chưa có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính chưa có cơ sở thẩm định điều chỉnh dự toán với tổng kinh phí là 35,835 triệu đồng.

Sở Tài chính kính đề nghị Sở Y tế phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- KBNN Quảng Ngãi;
- Sở Tài chính:
+ Giám đốc, PGĐ Lê Văn Huy;
+ Website Sở Tài chính;
- Lưu VT, TCHCSN(2), XDiệu.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH

Lê Văn Huy